Người ký: Phòng Giáo dục và Đào tạo
Email: gddt.maison@sonla.gov.vn
Cơ quan: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Thời gian ký: 26.11.2019 18:30:20 +07:00

UBND HUYỆN MAI SƠN **PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **877**/PGDĐT V/v triển khai thực hiện Công văn số 2205 của Sở Giáo dục và Đào tạo	*Mai Sơn, ngày 26 tháng 11 năm 2019*

KHẨN

Kính gửi: Các trường MN, TH, THCS trong toàn huyện.

Thực hiện Công văn số 2205/SGDĐT-ĐTKTQLCLGD ngày 25/11/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo Sơn La về việc chuẩn bị các điều kiện triển khai Thông báo số 1789-TB/TU ngày 24/10/2019 của Thường trực tỉnh ủy.

Phòng Giáo dục và Đào tạo đề nghị các trường mầm non, phổ thông trên địa bàn huyện triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Rà soát, cập nhật chính xác dữ liệu về quy mô mạng lưới trường lớp; cơ sở vật chất trường học; đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên các cấp học trên Cơ sở dữ liệu Ngành *(số liệu tính đến ngày 15/11/2019)*. Hoàn thành trước ngày 30/11/2019.

2. Xây dựng Kế hoạch phát triển giáo dục giai đoạn 2020 - 2025; dự báo quy mô mạng lưới trường lớp *(đặc biệt là các điểm trường lẻ)*; nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất; nhu cầu đội ngũ giáo viên đáp ứng yêu cầu triển khai Đề án phát triển giáo dục mầm non/Chương trình giáo dục phổ thông mới đến năm 2025 *(có mẫu kế hoạch và các biểu excel gửi kèm)*. Gửi bản mềm biểu số liệu về địa chỉ hòm thư: phamnga.m09@gmail.com chậm nhất ngày 29/11/2019.

Trân trọng đề nghị Hiệu trưởng các đơn vị trường nghiêm túc triển khai, thực hiện và đảm bảo thời gian./.

***Nơi nhận*:**
- Như kính gửi;
- Các Bộ phận công tác của Phòng;
- Lưu: VT, P.Nga (05b).

KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Người ký: Nguyễn Văn Phát
Email: phatnv.maison@sonla.gov.vn
Cơ quan: Huyện Mai Sơn, Tỉnh Sơn La
Chức vụ: Phó Trưởng phòng
Thời gian ký: 26.11.2019 18:21:32 +07:00

Nguyễn Văn Phát

ĐỀ CƯƠNG

(Kèm theo Công văn số 877/PGDĐT ngày 26/11/2019 của Phòng GD và ĐT)

KẾ HOẠCH
Phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2020 - 2025

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

Đánh giá chung

1. Thuận lợi:.....

2. Khó khăn.....

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO NĂM HỌC 2019 - 2020

1. Về quy mô mạng lưới trường lớp

1.1. Về số liệu (*mẫu biểu kèm theo*).

Gồm các biểu:

- Thực trạng mạng lưới trường, lớp, học sinh và kế hoạch đến năm 2025

- Chỉ tiêu kế hoạch giáo dục và đào tạo đến năm 2025.

- Tình hình dân số theo độ tuổi từ 0 - 15 tuổi của từng bản, từng xã trên địa bàn huyện. (*Biểu này được sử dụng để dự báo quy mô học sinh, trường lớp; để giải thích cho việc tồn tại các điểm trường, trường có số học sinh/lớp nhỏ hơn quy định*. Ví dụ: Xã A độ tuổi tuyển sinh vào lớp 6 chỉ có 47 học sinh vẫn phải chia thành 2 lớp).

- Hiện trạng quy mô trường lớp của từng bậc học:

+ Có đủ thông tin, số liệu chi tiết đến từng trường, từng điểm trường, từng khối lớp, khoảng cách từ nhà học sinh đến trung tâm các trường, khoảng cách từ nhà học sinh đến điểm trường, số giáo viên.

+ Trong biểu cần khẳng định rõ có tiếp tục duy trì hay dồn ghép được đối với từng điểm trường lẻ của các trường hay không *(có thể dồn về trung tâm trường hoặc điểm trường ở gần đó hay không? Nếu không dồn được thì các lý do, nguyên nhân cụ thể là gì ?)*.

Số liệu và thông tin trong Biểu này được sử dụng để phân tích thực trạng mạng lưới trường lớp dẫn đến: (1) việc số học sinh/lớp của các huyện và toàn tỉnh nhỏ hơn quy định; (2) tăng biên chế giáo viên so với định mức quy định chung (do quy mô học sinh/lớp/nhóm thấp hơn quy định). Căn cứ số liệu chi tiết phải chia được các trường thành 3 nhóm: nhóm có số HS/lớp/nhóm nhỏ hơn 20, nhóm có số HS/lớp nhỏ hơn 30, nhóm có số HS/lớp từ 30 trở lên.

1.2. Đánh giá (*trên cơ sở phân tích số liệu từ các biểu*)

- Thuận lợi:

- Khó khăn (*lưu ý những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục*):

* Lưu ý làm rõ các vấn đề sau: (*giải thích cho các phần ghi chú trong biểu*)

+ Mô tả rõ đặc điểm của các điểm trường: đặc điểm dân số, điều kiện giao thông, khoảng cách tới trường trung tâm và tới các điểm trường gần nhất, điều kiện cơ sở vật chất (*nếu dồn điểm lẻ về CSVC có thể đáp ứng được không*), những đặc điểm khác (*nếu có*).

+ Mô tả rõ nguyên nhân tồn tại các trường có tỉ lệ học sinh/lớp dưới 30 đối với cấp THCS, dưới 25 học sinh/lớp đối với cấp tiểu học.

+ Mô tả rõ thuận lợi, khó khăn trong việc sáp nhập các trường, dồn các điểm trường lẻ.

2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

2.1. Về số liệu (*mẫu biểu kèm theo*).

Cần tổng hợp thực trạng từng trường theo môn, xác định rõ số lượng giáo viên thừa, thiếu sau đó tổng hợp chung của toàn huyện.

2.2. Đánh giá (*trên cơ sở phân tích số liệu từ các biểu*)

- Thuận lợi:

- Khó khăn (*lưu ý những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục*):

* Lưu ý:

+ Đánh giá những khó khăn, vướng mắc, bất cập trong việc thực hiện các quy định của tỉnh, các văn bản hướng dẫn của các ngành về lĩnh vực giáo dục.

+ Mô tả rõ thuận lợi, khó khăn về đội ngũ trong việc sáp nhập các trường, dồn các điểm trường lẻ.

3. Về cơ sở vật chất trường học

2.1. Về số liệu (*mẫu biểu kèm theo Công văn số 1545/SGDĐT-KHTC ngày 26/8/2019 của Sở Giáo dục và Đào tạo*).

3.2. Đánh giá (*trên cơ sở phân tích số liệu từ các biểu*)

- Thuận lợi:

- Khó khăn (*lưu ý những yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng giáo dục*):

* Lưu ý: Mô tả rõ thuận lợi, khó khăn về cơ sở vật chất trong việc sáp nhập các trường, dồn các điểm trường lẻ.

III. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐẾN NĂM 2025

1. Về quy mô mạng lưới trường lớp

- Dự báo quy mô phát triển đến năm 2025:

+ P*hương án tiếp tục sáp nhập, dồn các điểm trường lẻ có thể tiếp tục dồn về trường trung tâm hoặc có thể dồn 2 điểm trường gần nhau thành 1 điểm*

trường (nếu có). Nếu có khả năng tiếp tục sáp nhập nhưng vướng mắc về điều kiện CSVC cần thuyết minh rõ nhu cầu đầu tư để đáp ứng việc sáp nhập.

+Phương án chia tách các trường có quy mô lớn hơn quy định (*nếu có*).

- Số liệu cụ thể *(mẫu biểu kèm theo).* Biểu kế hoạch phát triển quy mô trường lớp đến năm 2025.

2. Về đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

- Dự báo nhu cầu đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non và Chương trình Giáo dục phổ thông mới đến năm 2025 *(rõ số lượng giáo viên thừa, thiếu từng của cấp học, môn học theo định mức quy định, chú ý tính toán nhu cầu cho các môn học mới. Tính theo từng trường*).

- Có kế hoạch, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên và đào tạo lại đối với cán bộ quản lý, giáo viên chưa đạt chuẩn (*theo quy định của Luật Giáo dục*).

- Số liệu cụ thể *(mẫu biểu kèm theo).*

3. Về cơ sở vật chất trường học

- Số liệu cụ thể *(mẫu biểu kèm theo).*

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc của việc sáp nhập, dồn ghép các điểm trường; các giải pháp giải quyết các vấn đề về đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai thực hiện Đề án phát triển giáo dục mầm non/Chương trình Giáo dục phổ thông mới.

Đề xuất các giải pháp tháo gỡ khó khăn vướng mắc trong việc thực hiện các quy định của tỉnh về lĩnh vực giáo dục.

Các đề xuất, kiến nghị khác (*nếu có*).